

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 16/09/2022

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P7+RP2+TD1	7:25	12+4+6	0+0+0		3+9+10	0+0+0	chuyen 4 P7- Rp2chuyen 3 RP2-TD1
2		RCDM+GTCl+VSP02	7:25	9+0+13	0+0+0		2+1+19	0+0+0	chuyen 2 GTCl- VSP02
3		TD2+CLO	7:25	16+1	0+0		16+1	0+0	CAP CUU CLO
4		VSP02+PVD6+P7	7:25	13+7+2	0+0+0		3+8+11	0+0+0	
5		RP3+RP1	9:25	10+12	0+0		9+13	0+0	
6		VSP02+RC4	9:25	14+6	0+0		5+17	0+0	
7		TTC2+PVD6+BK8	9:25	0+21+0	0+0+0		0+20+2	0+0+0	chuyen 1 TTC2- BK8
8		BK19+PVD6+TD2	9:25	2+6+14	0+0+0		0+5+17	0+0+0	
9		TD2+TD1+BK3	11:25	17+2+0	0+0+0		7+4+11	0+0+0	
10		RP1+RCDM	11:25	18+4	0+0		15+7	0+0	
11		PVD1+RP3	11:25	5+17	0+0		4+16	0+0	

TTDBSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/3 người P2 về qua PVD6; 1 người rc6 về bờ đi rp1

FLIGHT MANIFEST

DATE: 16/09/2022	TO: P7 - RP2 - TD1	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: TTrung - ĐNam - Huy	ETA: 09:10
XANH-I			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	FIRSOV EVGENII	P7	65	1	10		100	KHOAN	Russian
2	NGUYEN THAI DUONG	P7	62	1	10		55	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYEN VAN TRUONG	P7	67-68	2	7		75	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYEN MANH TINH	P7	63	1	5		67	KHOAN	Vietnamese
5	DO VAN PHAN	P7	58	1	5		76	KHOAN	Vietnamese
6	DAU CAO KHANG	P7	56	1	5		53	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN TRONG TUAN	P7	59-60	2	10		70	KHOAN	Vietnamese
8	PHAN VAN THANH	P7	64	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
9	CAO DINH THANH	P7	61	1	5		56	KHOAN	Vietnamese
10	DINH QUANG TOAN	P7	55	1	5		65	PSV	Vietnamese
11	NGUYEN CONG HOAN	P7	57	1	10		65	KHOAN	Vietnamese
12	NGO HONG GIANG	P7	66	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
13	TRAN NGOC CHINH	RP2	39	1	12		75	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN HONG QUANG	RP2	40-41	2	7		67	KH-THAC	Vietnamese
15	DINH EM	RP2	37	1	5	90	70	GETRACO	Vietnamese
16	NGUYEN DUY CANH	RP2	38	1	5		53	GETRACO	Vietnamese
17	NGUYEN VIET HA	TD1	55-56	2	12		70	PSV	Vietnamese
18	NGUYEN THE ANH	TD1	16	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
19	HOANG VAN TRUONG	TD1	66	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN NGOC LINH	TD1	57	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
21	LE DUC THIEN	TD1	58	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
22	PHUNG DAI DUONG	TD1	53-54	2	17		72	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

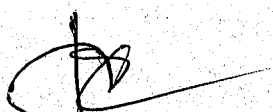
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P7	12	14	82	822	0	3	4	CHUYEN 04 PAX TU P7 SANG RP2
2	RP2	4	5	29	265	90	9	3	CHUYEN 03 PAX TU RP2 SANG TD1
3	TD1	6	8	49	415	0	10		
TOTAL		22	27	160	1.502	90	22		
WEIGHT KG				160	1.502	90			

GRAND TOAL: 1.752 KGS

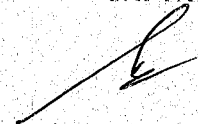
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 16/09/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	TO: RCDM - GTC1 - VSP02	CREW: Dương - MTHAO - PTUẤN	ETA: 09:15
CAM-1			

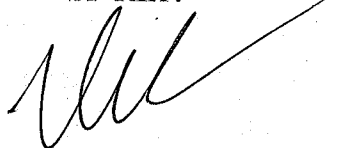
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN SĨ TOÀN	RCDM				60	75	D-HANH	Vietnamese
2	SHEREMENTIEV	RCDM					81	D-HANH	Russian
3	NGUYỄN DUY HÙNG	RCDM	30-31	2	14		71	KH-THAC	Vietnamese
4	HOÀNG TỊ	RCDM	32	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐINH VĂN CÔNG	RCDM	25	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN KIỂM BÁC	RCDM	26-27	2	15		74	KH-THAC	Vietnamese
7	TAGANOV	RCDM					85	ANTOAN	Russian
8	PHẠM NHƯ SÁNG	RCDM	29	1	10		67	XAYLAP	Vietnamese
9	TRẦN VĂN ĐẠT	RCDM	28	1	5		65	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYỄN CÔNG LAM	VSP02	89-90	2	17	30	70	KH-THAC	Vietnamese
11	EDUARD YANDYAN	VSP02	85-86	2	20		85	KH-THAC	Russian
12	LƯU VĂN DÂN	VSP02	83	1	10		58	CODIEN	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN QUÂN	VSP02	87	1	10		68	KH-THAC	Vietnamese
14	PHẠM NGỌC THẠCH	VSP02	98	1	10		57	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN MINH TUẤN THỊNH	VSP02	93-95	3	6		88	KH-THAC	Vietnamese
16	SERGIENKO SERGEY	VSP02	84	1	8		80	KH-THAC	Russian
17	ĐẶNG NHẬT MINH	VSP02	91	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
18	HOÀNG NGỌC ĐÔNG	VSP02	88	1	7		79	KH-THAC	Vietnamese
19	PHẠM TRỌNG TUẤN	VSP02	82	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
20	NGO DUC HIEN	VSP02	92	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN TRỌNG TÂN	VSP02	96	1	9		85	KH-THAC	Vietnamese
22	NGO DUC TRI	VSP02	97	1	7		60	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

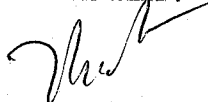
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RCDM	9	8	51	648	60	2		CHUYEN 2 PAX GTC1-VSP02
2	GTC1	0	0	0	0	0	1		
3	VSP02	13	17	121	946	30	19		
TOTAL		22	25	172	1.594	90	22		
WEIGHT KG				172	1.594	90			

GRAND TOAL: 1.856 KGS

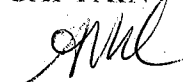
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 16/09/2022	TO: TD2 - CLO	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:40
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: HUNG - NPhú - HIẾU - TX	ETA: 09:20
vang-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VANEEV DMITRIY	TD2	70	1	7		95	KHOAN	Russian
2	LE THANH LAM	TD2				100	70	KHOAN	Vietnamese
3	TRUONG THANH TUNG	TD2	74	1	3		75	KHOAN	Vietnamese
4	LY ANH TUAN	TD2	84	1	7		88	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN THANH TUYEN	TD2	75	1	5		79	KHOAN	Vietnamese
6	TRAN HUNG HUNG	TD2	82	1	3		98	KHOAN	Vietnamese
7	DO VAN HUNG	TD2	78	1	4		65	KHOAN	Vietnamese
8	LE THANH TUNG	TD2	79	1	15		90	KHOAN	Vietnamese
9	LE HAI SON	TD2	90	1	5		87	KHOAN	Vietnamese
10	LE XUAN HAI	TD2	71-72	2	13		75	KHOAN	Vietnamese
11	MAI VAN HOANG	TD2	73	1	3		57	KHOAN	Vietnamese
12	CAO VAN LOI	TD2	76	1	3		70	KHOAN	Vietnamese
13	DOAN HIEU	TD2	77	1	9		72	KHOAN	Vietnamese
14	TRINH VAN TIEN	TD2	81	1	5		85	KH-THAC	Vietnamese
15	PHAM VAN HUNG	TD2	83	1	4		80	KHOAN	Vietnamese
16	TRAN VAN HUNG	TD2	80	1	6		75	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYEN DUC THANG	CLO				30	65	Y TE	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	16	16	92	1.261	100	16		THAO 6 GHE CHO CANG
2	CLO	1	0	0	65	30	1		IBS VE NGOI GHE PHU
TOTAL		17	16	92	1.326	130	17		
WEIGHT KG				92	1.326	130			

GRAND TOAL: 1.548 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 16/09/2022	TO: VSP02 - PVD6 - P7	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:43
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: KHOAN - VThắng - THỤ	ETA: 09:25
NAU-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN GIA KHANH	VSP02	21	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN GIA LONG	VSP02	26	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN LÊ MINH TUẤN	VSP02	22	1	11		95	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐỖ VĂN PHÚ	VSP02	86	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN THẾ CUÔNG	VSP02	23	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN MINH DÂN	VSP02	84	1	4		68	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN QUỐC CHIẾN	VSP02	25	1	8		78	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN XUÂN QUANG	VSP02	85	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
9	PHẠM HỮU ĐẠT	VSP02	24	1	5		77	KH-THAC	Vietnamese
10	PHO BÌNH TRỌNG	VSP02	83	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
11	TRANG NGỌC HÙNG	PVD6	85	1	11		70	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN XUÂN ĐÔNG	PVD6	46	1	11		65	KHOAN	Vietnamese
13	CÁP VĂN SEN	PVD6	99	1	6	20	50	NHATHAU	Vietnamese
14	QUÁCH NGỌC TUẤN	PVD6	98	1	12		64	NHATHAU	Vietnamese
15	NGUYỄN QUỐC NGÀ	PVD6	99	1	6		75	NHATHAU	Vietnamese
16	PHAN QUỐC QUAN	PVD6	81	1	4		75	NHATHAU	Vietnamese
17	NGUYỄN MẠNH KIẾN	PVD6	45	1	5		64	NHATHAU	Vietnamese
18	HOANG TRONG QUYNH	PVD6	86,97	2	12		68	KHOAN	Vietnamese
19	MAI VĂN LƯỢNG	PVD6	300	1	6		65	NHATHAU	Vietnamese
20	NGUYỄN TRONG KIẾN	PVD6	63	1	14		65	KHI	Vietnamese
21	NGUYỄN HOANG OANH	P7	86	1	6	60	85	KHOAN	Vietnamese
22	NGUYỄN ĐÌNH CUÔNG	P7	84	1	9		70	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP02	10	10	56	754	0	3		
2	PVD6	10	11	87	661	20	8		
3	P7	2	2	15	155	60	11		
TOTAL		22	23	158	1.570	80	22		
WEIGHT KG				158	1.570	80			

GRAND TOAL: 1.808 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 16/09/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:40
FLIGHT: 05	TO: RP3 - RP1	CREW: TTrung - ĐNam - Huy	ETA: 11:20
XANH-2			

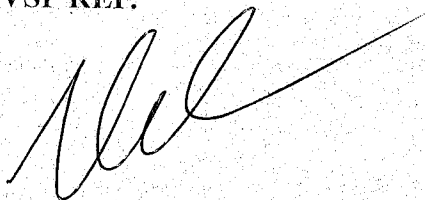
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN THANH TRUNG	RP3	75	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
2	BUI ANH SON	RP3	80	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
3	BUI VAN THANH	RP3	71	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAM QUANG TRUNG	RP3	79	1	7	15	68	KH-THAC	Vietnamese
5	VÔ TÂN CHÂU	RP3	81-82	2	15	40	65	KH-THAC	Vietnamese
6	PHAM MINH TOAN	RP3	72-74	3	15		60	YTE	Vietnamese
7	PHAM VAN ANH	RP3	86	1	10		78	KH-THAC	Vietnamese
8	TRUONG VAN THUONG	RP3	76	1	10		60	KH-THAC	Vietnamese
9	LUONG QUANG THUONG	RP3	83	1	8		67	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN VAN CONG	RP3	70	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
11	TSOPANOV	RP1	16	1	10		90	KH-THAC	Russian
12	LUU TRUONG GIANG	RP1	15	1	5	5	70	NHATHAU	Vietnamese
13	KOROQLUEV RAMIL	RP1	17	1	7	40	78	KH-THAC	Russian
14	TRAN QUANG TUNG	RP1					75	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN VIET THANH	RP1					70	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN TRUONG GIANG	RP1	12	1	5		92	KH-THAC	Vietnamese
17	LE MANH HUNG	RP1	13	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
18	TAO QUANG NGAN	RP1	11	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
19	TRAN MINH HIEU	RP1					58	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN VAN TAM	RP1	18	1	10		75	KH-THAC	Vietnamese
21	VU DINH HOAN	RP1	14	1	6		80	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYEN BAC HA	RP1	19-21	3	15		66	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	10	13	85	678	55	9		
2	RP1	12	11	68	884	45	13		
TOTAL		22	24	153	1.562	100	22		
WEIGHT KG				153	1.562	100			

GRAND TOAL: 1.815 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 16/09/2022	TO: VSP02 - RC4	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:45
FLIGHT: NO 6	FROM: VT	CREW: Dương - MTHAO -	ETA: 11:25
CAM-2		QTrưởng	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐINH TRƯỞNG PHI	VSP02	33-34	2	12		73	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN THE VINH	VSP02	29	1	4		80	KH-THAC	Vietnamese
3	NGO ĐỨC CHU	VSP02	31	1	5		59	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN TRỌNG NGÂN	VSP02	91	1	9		75	KH-THAC	Vietnamese
5	GEPTMAN	VSP02	98	1	5		105	KH-THAC	Russian
6	DANG VIET THANH	VSP02	92	1	10		65	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN VAN CAO	VSP02	97	1	15		65	CODIEN	Vietnamese
8	ĐẶNG QUANG LỘC	VSP02	90	1	15		63	CODIEN	Vietnamese
9	PHẠM XUÂN HAI	VSP02	88-89	2	18		74	CODIEN	Vietnamese
10	NGUYEN HIỆP THANH	VSP02	32	1	10		85	CODIEN	Vietnamese
11	BUI VĂN HUY	VSP02	93	1	12		71	ANTOAN	Vietnamese
12	NGUYEN VĂN LINH	VSP02	30	1	5		49	YTE	Vietnamese
13	NGUYEN NGỌC TÍN	VSP02	28	1	5		56	PSV	Vietnamese
14	NGUYEN TÔ THANH	VSP02	36	1	5		65	SHINTRAC	Vietnamese
15	ĐINH MAI THIÊN	VSP02	35,87	2	14		70	CO DIEN	Vietnamese
16	NGUYEN NGỌC TÙNG	VSP02	27	1	7	23	71	CO DIEN	Vietnamese
17	LE VAN HAU	VSP02	96	1	4		76	LONG VU	Vietnamese
18	LE BA TUÂN	RC4	04-05	2	8	50	61	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN TRỌNG MINH	RC4	03	1	6		63	KH-THAC	Vietnamese
20	ĐẶNG MINH DŨNG	RC4					76	KH-THAC	Vietnamese
21	LE HAI ANH	RC4	01-02	2	12		70	KH-THAC	Vietnamese
22	MAI VAN TUONG	RC4	06	1	2		65	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP02	17	20	155	1.202	23	5		
2	RC4	5	6	28	335	50	17		
TOTAL		22	26	183	1.537	73	22		
WEIGHT KG				183	1.537	73			

GRAND TOAL: 1.793 KGS

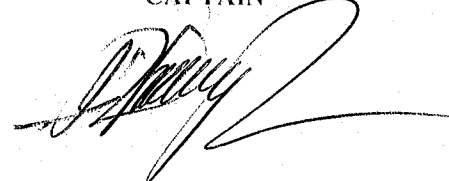
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 16/09/2022	TO: TTC2 - PVD6 - BK8	AIRCRAFT: 428	ETD: 09:50
FLIGHT: NO 7	FROM: VT	CREW: Hạnh - Mạnh - HIẾU - Tú	ETA: 11:30
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN CAO PHUNG	PVD6	59	1	7	55	68	NHATHAU	Vietnamese
2	DONG VAN TOAN	PVD6	57	1	6		65	NHATHAU	Vietnamese
3	LE HONG VUONG	PVD6	56	1	5		70	NHATHAU	Vietnamese
4	TRAN DUC HOAN	PVD6	58	1	9		83	NHATHAU	Vietnamese
5	PHAM VAN DUC	PVD6	60	1	6		57	NHATHAU	Vietnamese
6	TO TRINH DUC	PVD6	53	1	8		75	NHATHAU	Vietnamese
7	HUYNH VAN DUOC	PVD6	48	1	8		69	NHATHAU	Vietnamese
8	NGUYEN NGOC SANH	PVD6	55	1	6		59	NHATHAU	Vietnamese
9	NGUYEN HOANG DUNG	PVD6	65-66	2	15		80	NHATHAU	Vietnamese
10	PHAM TUNG SAN	PVD6	69-70	2	11		65	NHATHAU	Vietnamese
11	NGUYEN MANH CUONG	PVD6	68	1	6		47	NHATHAU	Vietnamese
12	DO VAN KHUONG	PVD6	71	1	6		57	NHATHAU	Vietnamese
13	NGUYEN DINH TIEN	PVD6	74	1	6		55	NHATHAU	Vietnamese
14	NGUYEN XUAN TOAN	PVD6	54	1	7		51	NHATHAU	Vietnamese
15	LE DINH HUNG	PVD6	75-76	2	15		69	NHATHAU	Vietnamese
16	VU NGOC KHUYEN	PVD6	50-52	3	15		69	NHATHAU	Vietnamese
17	HOANG VAN DUY	PVD6	67	1	8		78	NHATHAU	Vietnamese
18	NGUYEN TIEN DUNG	PVD6	72-73	2	15		89	NHATHAU	Vietnamese
19	TRAN ANH TUAN	PVD6	47	1	10		77	DVL	Vietnamese
20	LE VAN THANG	PVD6	49	1	7		74	DVL	Vietnamese
21	VU DUC SANG	PVD6	64	1	15		63	NHATHAU	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TTC2	0	0	0	0	0	0	1	CHUYEN 1 PAX TTC2-BK8
2	PVD6	21	27	191	1.420	55	20		
3	BK8	0	0	0	0	0	2		
TOTAL		21	27	191	1.420	55	22		
WEIGHT KG				191	1.420	55			

GRAND TOAL: 1.666 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 16/09/2022	TO: BK19 - PVD6 - TD2	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:55
FLIGHT: NO 8	FROM: VT	CREW: KHOAN - VThắng - THỤ	ETA: 11:35
TRANG-2			

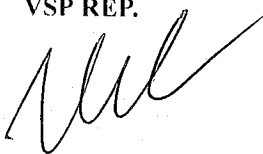
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HOANG VINH PHU	BK19	76	1	6	15	72	ANTOAN	Vietnamese
2	LE DUY AN	BK19	75	1	12	28	115	ANTOAN	Vietnamese
3	VU TRUNG KIEN	PVD6	26	1	14		74	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAN QUANG VU	PVD6	27-28	2	19		75	KH-THAC	Vietnamese
5	VU ANH TUAN	PVD6	29	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
6	LE PHUONG NAM	PVD6	30	1	7		70	NHATHAU	Vietnamese
7	HO CHI CONG	TD2	91	1	6		78	KHOAN	Vietnamese
8	MAI DUC THAN	TD2	93	1	5		73	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN HUU TAI	TD2	92	1	3		76	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN XUAN PHU	TD2	69	1	4		82	KHOAN	Vietnamese
11	PHAM VAN TRI	TD2	98	1	10		70	KHOAN	Vietnamese
12	NGO DUY NGOC	TD2	68	1	10		68	KHOAN	Vietnamese
13	LE NGOC LUAN	TD2	97	1	10		66	KHOAN	Vietnamese
14	TRAN VAN MANH	TD2	96	1	8		60	KHOAN	Vietnamese
15	KURPANOV V.A	TD2	95	1	5		72	KH-THAC	Russian
16	LE THANH LIEM	TD2	94	1	6		74	KH-THAC	Vietnamese
17	LE VAN TRUNG	TD2	99	1	6		75	KH-THAC	Vietnamese
18	PHAM HOANG TUNG	TD2	800	1	10		71	KH-THAC	Vietnamese
19	LE XUAN PHUONG	TD2	64	1	5		67	KHOAN	Vietnamese
20	CAO DUC VIEN	TD2	67	1	4		60	KHOAN	Vietnamese
21	PHAM THE CHUYEN	TD2	66	1	3		68	KHOAN	Vietnamese
22	NGUYEN TAI THUYET	TD2	65	1	5		58	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK19	2	2	18	187	43	0		
2	PVD6	4	5	50	289	0	5		
3	TD2	16	16	100	1.118	0	17		
TOTAL		22	23	168	1.594	43	22		
WEIGHT KG				168	1.594	43			

GRAND TOAL: 1.805 KGS

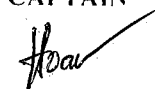
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 16/09/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 12:00
FLIGHT: NO 9	TO: TD2 - TD1 - BK3	CREW: TUYỀN - MMinh - Toan	ETA: 13:40
VANG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VUONG KIEN QUOC	TD2	47-48	2	15		79	DVL	Vietnamese
2	TRAN VAN NGHIA	TD2	33	1	15		84	DVL	Vietnamese
3	LE HOAI THIEN	TD2	43-44	2	27		75	DVL	Vietnamese
4	NGUYEN VAN THU	TD2	54	1	15		68	DVL	Vietnamese
5	TRAN VAN THUAT	TD2	45-46	2	19		72	DVL	Vietnamese
6	NHAM DUC TUAN	TD2	41-42	2	12		71	DVL	Vietnamese
7	DINH CHIEN THANG	TD2	40,32	2	18		76	XAYLAP	Vietnamese
8	TRAN XUAN LOC	TD2	38-39	2	22		57	XAYLAP	Vietnamese
9	TRAN QUANG SANG	TD2	50-51	2	20		51	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYEN HOANG MINH HIEU	TD2	60-61	2	15		55	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYEN TIEN SY	TD2	52-53	2	16		65	XAYLAP	Vietnamese
12	DAO HUU TUYEN	TD2	34-35	2	26		70	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYEN THANH NAM	TD2	36-37	2	24		71	XAYLAP	Vietnamese
14	TRAN HONG THANH	TD2	59	1	16		75	XAYLAP	Vietnamese
15	TRAN VAN CHINH	TD2	62	1	6		50	GETRACO	Vietnamese
16	LE VAN THINH	TD2	49	1	8		61	PSV	Vietnamese
17	NGUYEN VAN HAI	TD2	58	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
18	HO SY PHUNG	TD2	55-56	2	11		66	KHOAN	Vietnamese
19	TRAN TRONG HIEU	TD2	57	1	7		58	KH-THAC	Vietnamese
20	DOAN VIET DONG	TD2	63	1	12		75	KH-THAC	Vietnamese
21	PHAN THANH CONG	TD1	59	1	6	20	57	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYEN VAN NAM	TD1	60	1	15		70	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

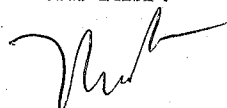
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	20	32	309	1.339	0	7		
2	TD1	2	2	21	127	20	4		
3	BK3	0	0	0	0	0	11		
TOTAL		22	34	330	1.466	20	22		
WEIGHT KG				330	1.466	20			

GRAND TOAL: 1.816 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 16/09/2022	TO: RPI - RCDM	AIRCRAFT: 846	ETD: 12:05
FLIGHT: 10	FROM: VT	CREW: LTuấn - Dương - QTrưởng	ETA: 13:45
XANH-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HOANG THE ANH	RPI	37	1	4		68	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN BA QUY	RPI	44	1	5		50	KH-THAC	Vietnamese
3	PHAM VAN THUY	RPI	26-27	2	10		62	KH-THAC	Vietnamese
4	TRAN VAN CUC	RPI	42	1	12		82	KH-THAC	Vietnamese
5	NG PHI KHAI HOAN	RPI	41	1	3		60	KH-THAC	Vietnamese
6	HOANG DINH BA	RPI	38	1	4		52	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN KHAC HONG	RPI	30	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
8	PHAN CONG TOAN	RPI	43	1	11		80	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN ANH TUAN	RPI	45-46	2	20		75	KH-THAC	Vietnamese
10	LE DINH THANG	RPI	35	1	16		70	KH-THAC	Vietnamese
11	HOANG VAN SUU	RPI	28	1	6		73	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN QUANG LOC	RPI	40	1	4		78	KH-THAC	Vietnamese
13	PHAM THANH NAM	RPI	31-32	2	20		72	XAY LAP	Vietnamese
14	PHAM HONG VU	RPI	29	1	14		48	XAY LAP	Vietnamese
15	PHAN VAN HOC	RPI	25	1	18		60	XAY LAP	Vietnamese
16	DAO QUOC LY	RPI	33-34	2	16		85	YTE	Vietnamese
17	NGUYEN VIET DUNG	RPI	39	1	4		80	PSV	Vietnamese
18	NGUYEN THANH HAI	RPI	36	1	6		57	KH-THAC	Vietnamese
19	LE VAN QUANG	RCDM	45-47	3	20	30	78	XAY LAP	Vietnamese
20	VUONG MAI	RCDM	48-49	2	18	60	67	XAY LAP	Vietnamese
21	PHAM TUNG DUONG	RCDM	50	1	10		75	XAY LAP	Vietnamese
22	PHAM VAN HUAN	RCDM	44	1	7		70	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RPI	18	22	180	1.222	0	15		
2	RCDM	4	7	55	290	90	7		
TOTAL		22	29	235	1.512	90	22		
WEIGHT KG				235	1.512	90			

GRAND TOAL: 1.837 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 16/09/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 428	ETD: 12:10
FLIGHT: NO 11	TO: PVD1 - RP3	CREW: Hạnh - Mạnh - MQUÂN -	ETA: 13:50
HONG-3		Cương	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HỒ VĂN HOÀN	PVD1	56	1	9		62	D-HANH	Vietnamese
2	BOYKO D. G.	PVD1	55	1	12		112	KH-THAC	Russian
3	PHẠM VĂN KÝ	PVD1	200	1	12	5	66	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN THANH TRUNG	PVD1	57	1	7		65	NIPI	Vietnamese
5	BUI SY TRUNG	PVD1	98-99	2	12		75	NHATHAU	Vietnamese
6	HOÀNG VĂN HOA	RP3	50	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
7	LUONG VĂN PHỒ	RP3	52	1	8		69	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN PHƯỚC LỘC	RP3	54	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
9	PHẠM XUÂN HOÀNG	RP3	41-42	2	12	25	83	KH-THAC	Vietnamese
10	HOÀNG XUÂN HUNG	RP3				40	68	KH-THAC	Vietnamese
11	VŨ THẮNG	RP3	45	1	12		89	KH-THAC	Vietnamese
12	HOÀNG VĂN HIỀN	RP3	39-40	2	12		55	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN TƯ HAI	RP3	49	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN DOÀN THANH	RP3	46	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
15	LÊ ĐỨC HUY	RP3	43	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
16	VŨ THANH LONG	RP3	48	1	7		90	KH-THAC	Vietnamese
17	LÊ ĐỨC OANH	RP3					68	KH-THAC	Vietnamese
18	PHẠM THANH CÔNG	RP3	51	1	4		63	KH-THAC	Vietnamese
19	PHẠM THỊ PHONG	RP3	53	1	7		61	KH-THAC	Vietnamese
20	PHẠM VĂN ĐÔNG	RP3	44	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
21	PHẠM DUY DUNG	RP3					76	KHI	Vietnamese
22	LÊ ĐÌNH THAO	RP3	47	1	6	40	70	NHATHAU	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD1	5	6	52	380	5	4		
2	RP3	17	16	95	1.207	105	16		
TOTAL		22	22	147	1.587	110	20		
WEIGHT KG				147	1.587	110			

GRAND TOAL: 1.844 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN ĐITT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 17/09/2022

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		CTK3+P2+P5	7:25	15+6+0	0+0+0		10+5+7	0+0+0	chuyen 1 CTK3-P2
2		TD5+PPD	7:25	18+4	0+0		8+14	0+0	
3		TD1+BK10+TD5	9:25	0+0+17	0+0+0		0+0+22	0+0+0	chuyen 3 td1-td5chuyen 2 bk10-td5
4		P9+PPD+CI	9:25	5+7+8	0+0+0		2+11+8	0+0+0	chuyen 1 P9-CI

TTDBSX

2 người P5 về đi P9



FLIGHT MANIFEST



DATE: 17/09/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	TO: CTK3 - P2 - P5	CREW: VThắng - NPhú - THU -	ETA: 09:10
XANH-1		Cương	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAN VĂN TUÂN	CTK3	88	1	3		73	PSV	Vietnamese
2	ĐỖ VĂN KHANH	CTK3	93	1	7		72	PSV	Vietnamese
3	PHAN CÔNG SÂM	CTK3	92	1	3		66	PSV	Vietnamese
4	HOÀNG VĂN BÁC	CTK3				60	70	PSV	Vietnamese
5	LÊ VĂN MINH	CTK3	91	1	6		81	PSV	Vietnamese
6	TRẦN VĂN HỮU	CTK3	86	1	5		58	PSV	Vietnamese
7	NGUYỄN DĂNG TÙNG	CTK3	89	1	5		68	PSV	Vietnamese
8	NGUYỄN KIM NIÊN	CTK3	85	1	6		57	PSV	Vietnamese
9	NGUYỄN ANH DUONG	CTK3	97	1	5		75	HVJOC	Vietnamese
10	CAO QUANG HUNG	CTK3	98	1	10		87	WOGC	Vietnamese
11	NGUYỄN DINH QUYẾT	CTK3	84	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN QUYẾT THĂNG	CTK3	90	1	6		69	KH-THAC	Vietnamese
13	TRƯƠNG VĂN HAI	CTK3	87	1	6		78	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN NAM	CTK3	82-83	2	20		63	XAYLAP	Vietnamese
15	ĐÀO VĂN HOÀN	CTK3	81	1	14		70	XAYLAP	Vietnamese
16	TA QUANG PHÚC	P2	02	1	6		110	PSV	Vietnamese
17	LÊ TIẾN LỢI	P2	01	1	2		68	PSV	Vietnamese
18	BUI DINH PHI	P2	03-05	3	11		70	NHPI	Vietnamese
19	NGUYỄN QUANG TÂN	P2	06	1	6		60	PSV	Vietnamese
20	VU VĂN TIẾN	P2	07	1	5		68	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	15	15	104	1.057	60	10	41	Chuyến 01 PAX CTK3 Rang P2
2	P2	5	7	30	376	0	5		
3	P5	0	0	0	0	0	7		
TOTAL		20	22	134	1.433	60	22		
WEIGHT KG				134	1.433	60			

GRAND TOAL: 1.627 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 17/09/2022	TO: TD5 - PPD	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: Hạnh - N.ANH - N.Nam	ETA: 09:15
CAM-2			

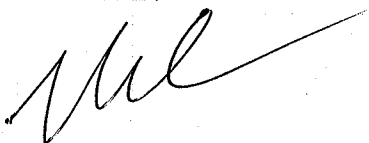
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VU TRONG HACH	TD5	69	1	10		74	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYEN DUY TAM	TD5	68	1	4		62	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYEN TAN VINH	TD5	61	1	10		90	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYEN VAN BINH	TD5	66	1	4		65	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN XUAN THANH	TD5	63	1	10		64	KHOAN	Vietnamese
6	TRINH ANH TRUONG	TD5	64	1	8		63	KHOAN	Vietnamese
7	HA QUOC DUNG	TD5	74-75	2	11	61	76	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYEN VINH DUY	TD5	59	1	6		65	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN NGOC CUONG	TD5	65	1	9		64	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN LAM GIANG	TD5	56	1	12		67	KHOAN	Vietnamese
11	VAN DINH QUANG	TD5	54-55	2	12		63	KHOAN	Vietnamese
12	TRINH HOANG KHANH	TD5	70-72	3	19		67	KHOAN	Vietnamese
13	PHAM VAN HANH	TD5	62	1	5		88	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN BACH TUNG	TD5	73	1	5		76	KHOAN	Vietnamese
15	LUONG MINH PHUNG	TD5	58	1	8		62	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYEN QUANG MINH	TD5	52-53	2	14		82	PSV	Vietnamese
17	NGO QUOC BAO	TD5	67	1	4		70	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYEN TAT THANH	TD5	60	1	5		58	KHOAN	Vietnamese
19	TRAN MAU SON	PPD	48	1	3		75	PSV	Vietnamese
20	HOANG XUAN DONG	PPD	47	1	6	40	60	PSV	Vietnamese
21	NGUYEN VAN NAM	PPD					58	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	18	23	156	1.256	61	8		
2	PPD	3	2	9	193	40	14		
TOTAL		21	25	165	1.449	101	22		
WEIGHT KG				165	1.449	101			

GRAND TOAL: 1.715 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 17/09/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:40
FLIGHT: 03	TO: TD1 - BK10 - TD5	CREW: VThắng - NPhú - THỤ -	ETA: 11:20
XANH-2		Cường	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HỒ VĂN TIẾN	TD5	39	1	3		64	KHOAN	Vietnamese
2	TRẦN VĂN DIỆU	TD5	43	1	4		67	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYỄN THANH CÔNG	TD5	47	1	6		85	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYỄN VIỆT DŨNG	TD5	40	1	6		75	KHOAN	Vietnamese
5	BUI TÂN BÌNH	TD5	26	1	3		74	KHOAN	Vietnamese
6	LÊ VIỆT THẮNG	TD5	37	1	7		59	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN DŨNG	TD5	36	1	5		57	KHOAN	Vietnamese
8	ĐOÀN VĂN MUỘI	TD5	44	1	12		60	KHOAN	Vietnamese
9	ĐOÀN VĂN KHUU	TD5	46	1	10		65	KHOAN	Vietnamese
10	PHẠM THANH TÙNG	TD5	41	1	16		87	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN TRỌNG HUỆ	TD5	42	1	11		64	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN DŨNG	TD5	38	1	16		68	ANTOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN HOÀNG LONG	TD5	31-32	2	15		70	DVL	Vietnamese
14	NGUYỄN HỮU TRIẾT	TD5	35	1	11		53	DVL	Vietnamese
15	TRẦN VĂN GIANG	TD5	34	1	7		70	DVL	Vietnamese
16	NGÔ TRI HOÀNG	TD5	33	1	9		70	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

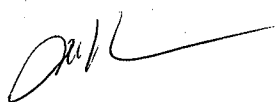
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	0	0	0	0	0	0+3		CHUYEN 3 PAX TD1-TD5 CHUYEN 2 PAX BK10-TD5
2	BK10	0	0	0	0	30	0+2		
3	TD5	16	17	141	1.088	0	22		
TOTAL		16	17	141	1.088	30	22		
WEIGHT KG				141	1.088	30			

GRAND TOAL: 1.259 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 17/09/2022	TO: P9 - PPD - CLI	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:45
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: Hạnh - N.ANH - N.Nam	ETA: 11:25
<i>Cam</i>			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ VĂN LINH	P9	03	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
2	TRẦN HỮU NGHỊ	P9	01-02	2	8		55	XAYLAP	Vietnamese
3	LƯU SÙNG BA	P9	04	1	5		59	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYỄN NGỌC LONG*	P9	05-06	2	20		59	XAYLAP	Vietnamese
5	TRẦN TIẾN TRUONG*	P9	07-08	2	13		62	XAYLAP	Vietnamese
6	HOÀNG VĂN DOANH	PPD	38-39	2	6		68	PSV	Vietnamese
7	NGUYỄN TUẤN ANH	PPD	42	1	10		67	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN HUY HOÀNG	PPD	40	1	8	60	71	PVGAS	Vietnamese
9	DUƠNG TRƯỜNG LAM	PPD	41	1	4		65	PVGAS	Vietnamese
10	HOÀNG VĂN HUY	PPD	43	1	16		67	NHATHAU	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN LINH	PPD					52	NHATHAU	Vietnamese
12	ĐỖ TRUNG THÔNG	PPD	35-37	3	16		70	NHATHAU	Vietnamese
13	NGUYỄN ĐỨC THƯỜNG	CLI	94	1	5		60	PSV	Vietnamese
14	NGUYỄN THU TRANG	CLI	93	1	5		76	PSV	Vietnamese
15	BUI NGỌC TÂN	CLI	95	1	3	40	62	PSV	Vietnamese
16	KHOROSHENKOV A.	CLI	92	1	8		83	KH-THAC	Russian
17	NGUYỄN VĂN THẨM	CLI					81	KH-THAC	Vietnamese
18	LÊ NHẬT HÙNG CƯỜNG	CLI	97	1	8		63	KH-THAC	Vietnamese
19	HỒ HAI HẬU	CLI	96	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
20	ĐINH THẾ ANH	CLI	98-99	2	6		74	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P9	5	8	53	300	0	2 + 1		CHUYỂN 1 PAX P9-CLI
2	PPD	7	9	60	460	60	12		
3	CLI	8	8	41	564	40	8		
TOTAL		20	25	154	1.324	100	22		
WEIGHT KG				154	1.324	100			

GRAND TOAL: 1.578 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN

